TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-PT
Ngày: 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh
Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2018/HSPT ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Võ Văn Đ.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Võ Văn Đ**, sinh năm 1981 tại Nghệ An;

Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Tân H, huyện M C N, tỉnh B T; nghề nghiệp Buôn bán; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Ngọc B, sinh năm 1941 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1943; bị cáo có vợ là chị Lê Thị Diễm M, sinh năm 1992 và 02 người con lớn sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2017 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Văn Ngôn** – Luật sư Văn phòng luật sư Bảo Ngôn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại:

1. Ông **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố Phú X, phường Tân P, thị xã Đồng X, tỉnh B P (chỗ ở tại số nhà 2257, ấp 6, xã Tân Th, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Phước).

2. Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố Tân T, phường Tân B, thị xã Đồng X, tỉnh B P. (chỗ ở tại khu phố Phú Tân, phường Tân P, thị xã Đồng X, tỉnh Bình Phước).

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn Diệu**, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Th, thị xã Đồng X, tỉnh B P.

2. Ông **Vũ Văn Cường**, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Th, thị xã Đồng X, tỉnh B P.

3. Ông **Tô Minh Quảng**, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã Tiến Th, thị xã Đồng X, tỉnh B Ph.

4. Ông **Đinh Tuấn Anh**, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã Tiến Th, thị xã Đồng X, tỉnh B Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2016, bị cáo Võ Văn Đ đến thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để kinh doanh hàng mỹ phẩm. Trong thời gian này, bị cáo Đ quen biết và chơi thân với ông Đỗ Thanh T (có vợ là bà Nguyễn Ngọc T làm giám đốc Công ty TNHH Hoàng Khoa GĐ, địa chỉ: số 03 đường Trường Chinh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước). Đến ngày 25/3/2017, bị cáo Đ đến gặp ông T và hỏi vay số tiền 150 triệu đồng nhưng ông T yêu cầu phải thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova, biển số 65A-056.68 (xe ô tô này là thuộc sở hữu của ông Trần Thiện N, ngụ tại: số 156/31 đường Đoàn Thị Điểm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, xe Đ thuê để làm phương tiện đi lại) thì bị cáo Đ đồng ý. Khi vay, giữa bị cáo Đ và ông T viết giấy cầm đồ ghi ngày 25/3/2017, có anh Lê Duy H làm chứng (bút lục số 21). Sau khi có tiền, bị cáo Đ dùng vào việc kinh doanh mỹ phẩm nhưng không được nên đã tiêu xài và đánh bạc với hình thức ghi số đề qua điện thoại di động với người tên Tiến (không rõ nhân thân) tại khu vực thị xã Đồng Xoài thua hết số tiền trên.

Đến ngày 03/4/2017, bị cáo Đ tiếp tục đến gặp ông T để vay thêm số tiền 50 triệu đồng thì ông T đồng ý nhưng yêu cầu bị cáo Đ phải ký hợp đồng thế chấp xe ô tô để thay thế giấy cầm đồ trước đây cho đúng quy định thì bị cáo Đ đồng ý. Sau đó, ông T đưa cho bị cáo Đ 02 hợp đồng đứng tên Công ty TNHH

Hoàng Khoa GĐ, gồm: 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 65A-056.68 và cho bị cáo Đ vay số tiền 150 triệu, thời gian vay 30 ngày và lãi suất 6%/tháng (thay thế giấy cầm đồ viết tay vào ngày 25/3/2017) và 01 hợp đồng mới với nội dung tương tự ghi ngày 03/4/2017 với số tiền vay 50 triệu đồng. Thấy vậy, bị cáo Đ đồng ý ký vào hai hợp đồng vay tiền nói trên cùng với 02 phiếu chi (các bút lục từ số 22-29). Sau khi có tiền, bị cáo Đ tiếp tục tiêu xài và đánh bạc thua hết. Sau đó, bị cáo Đ nảy sinh ý định tìm cách mượn lại chiếc xe ô tô biển số 65A-056.68 để trả cho anh Nhật và bỏ trốn để không phải trả số tiền 200 triệu đồng đã vay của ông Trắc.

Đến ngày 25/4/2017, bị cáo Đ đi đến gặp ông T rồi cùng nhau đi ăn, uống tại khu vực thị xã Đồng Xoài, đồng thời bị cáo Đ mượn xe ô tô biển số 65A-056.68 đã cầm cố với ông T và nói dối sẽ trả lại thì ông T đồng ý. Sau đó, bị cáo Đ mang xe ô tô biển số 65A-056.68 trả lại cho anh Nhật rồi bỏ trốn. Đến ngày 27/4/2017, ông T có đơn tố cáo. Ngày 10/8/2017, bị cáo Võ Văn Đ đến Công an xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang để đầu thú.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Văn Minh là anh ruột của bị cáo Võ Văn Đ đã khắc phục trả lại số tiền 200 triệu đồng cho bị hại Đỗ Thanh T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài đã Tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn Đ** phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản",

Áp dụng khoản 3 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/8/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2018, bị cáo Võ Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/5/2018, bị hại Đỗ Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo Võ Văn Đ phải trả thêm cho bị hại số tiền 150 triệu đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; gia đình cha mẹ có công với cách mạng.

Tại phiên tòa, bị hại Đỗ Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải trả thêm cho bị hại số tiền 150 triệu đồng với các lý do sau:

- Bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như là đầu thú; thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã khắc phục trả lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại.

- Ngày 25/3/2017 bị cáo vay bị hại 02 lần với số tiền 300 triệu đồng và ngày 03/4/2017 bị cáo tiếp tục vay số tiền 50 triệu, bị cáo đã khắc phục 200 triệu nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường thêm số tiền 150 triệu cho bị hại. Ngoài ra, cần xem xét thêm tình tiết bị cáo đã biết trong xe bị hại có số tiền 300 triệu đồng và nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mượn xe đi và lấy số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải trả thêm cho bị hại số tiền 150 triệu đồng của bị hại Đỗ Thanh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: mức án mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như là nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ra đầu thú; gia đình có công với cách mạng; bị cáo là trụ cột chính trong gia đình nuôi con còn nhỏ dưới 02 tuổi để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án từ 03 đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như sau: Do có quen biết trước đó nên ngày 25/3/2017, bị cáo Đ đến gặp anh T và hỏi vay số tiền 150 triệu đồng nhưng anh T yêu cầu phải thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova, biển số 65A-056.68 (xe ô tô này là thuộc sở hữu của ông Trần Thiện Nhật ngụ tại thành phố Cần Thơ, xe Đ thuê để làm phương tiện đi lại) thì bị cáo Đ đồng ý. Khi vay, giữa bị cáo Đ và anh T viết giấy cầm đồ ghi ngày 25/3/2017, có anh Lê Duy H làm chứng. Đến ngày 03/4/2017, bị cáo Đ tiếp tục đến gặp anh T để vay thêm số tiền 50 triệu đồng thì anh T đồng ý nhưng yêu cầu bị cáo Đ phải ký hợp đồng thế chấp xe ô tô để thay thế giấy cầm đồ trước đây cho đúng quy định thì bị cáo Đ đồng ý. Sau đó, anh T đưa cho bị cáo Đ 02 hợp đồng đứng tên Công ty TNHH Hoàng Khoa GĐ, gồm: 01 hợp đồng

thế chấp xe ô tô biển số 65A-056.68 với nội dung cho bị cáo Đ vay số tiền 150 triệu (thay thế giấy cầm đồ viết tay vào ngày 25/3/2017) và 01 hợp đồng mới với nội dung tương tự ghi ngày 03/4/2017 với số tiền vay 50 triệu đồng. Thấy vậy bị cáo Đ đồng ý ký vào hai hợp đồng vay tiền nói trên cùng với 02 phiếu chi. Đến ngày 25/4/2017, bị cáo Đ đi ăn, uống với anh T tại thị xã Đồng Xoài và mượn xe ô tô biển số 65A-056.68 đã cầm cố với anh T trả lại cho anh Nhật rồi bỏ trốn. Ngày 10/8/2017, bị cáo Võ Văn Đ đến Công an xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang để đầu thú.

[2] Tại cấp sơ thẩm bị hại Đỗ Thanh T không đồng ý với số tiền mà cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại số tiền 200 triệu đồng thông qua các hồ sơ vay tiền và cầm cố xe ô tô mà cho rằng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 350 triệu đồng, cụ thể vào 08 giờ ngày 25/3/2017 bị cáo Đ thế chấp xe ô tô TOYOTA Inova biển số 65A-056.68 để vay bị hại số tiền 150 triệu đồng và hai bên viết giấy cầm đồ, ghi ngày 25/3/2017 có anh H làm chứng cùng ký vào. Đến khoảng hơn 10 giờ trưa cùng ngày thì bị cáo Đ tiếp tục vay số tiền 150 triệu đồng và yêu cầu vợ là bà Nguyễn Ngọc T làm hợp đồng đứng tên công ty TNHH Hoàng Khoa GĐ do bà Thà làm giám đốc cho bị cáo vay thêm số tiền 150 triệu đồng, khi giao tiền cho bị cáo thì có ông Nguyễn Văn Diệu làm chứng. Đến ngày 03/4/2017 bị cáo Đ tiếp tục vay số tiền 50 triệu đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh Đỗ Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm theo như đơn kháng cáo.

[3] Xét lời khai của ông T là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ; mặc dù bị hại cung cấp 01 Giấy cầm đồ ngày 25/3/2017 với nội dung bị hại Đỗ Thanh T cho bị cáo Võ Văn Đ vay 150 triệu và có anh Lê Duy Hưng là người ký làm chứng và 01 bản gốc phiếu chi và hợp đồng số 01/2015/DATCANTHO ngày 25/3/2016 V/v cung cấp tín dụng dưới dạng cho vay ngắn hạn thể hiện nội dung Công ty TNHH HOÀNG KHOA GĐ do bà Nguyễn Ngọc T làm giám đốc cho bị cáo Đ vay số tiền 150 triệu đồng. Tuy nhiên, xét thấy lời trình bày của ông T có sự mâu thuẫn với nhau về thời gian cho vay, cụ thể tại Cơ quan điều tra ông T khai: "Tôi ký hợp đồng cầm đồ cho Đ vay số tiền 150 triệu…bên cạnh đó là bà Nguyễn Ngọc T làm hợp đồng cho Đ vay số tiền là 150 triệu; lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bà Thà vì bà Thà cho rằng không biết gì về việc ông T viết giấy cầm đồ cho bị cáo vay số tiền 150 triệu đồng trước đó; và mâu thuẫn với lời khai của chính ông T tại Cơ quan điều tra "lần đầu cho bị cáo vay 150 triệu, sau đó 2-3 ngày tôi đưa thêm cho bị cáo 150 triệu đồng…". Tại phiên tòa sơ thẩm ông T lại khai lần 1 vào lúc 8h sáng bị cáo vay số tiền 150 triệu đồng và viết giấy cầm đồ, đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì bị cáo tiếp tục vay thêm số tiền 150 triệu đồng và có lập phiếu chi, hợp đồng và có ông Nguyễn Văn Diệu

làm chứng, tuy nhiên tài liệu này có chỉnh sữa và sai về thời gian và ông Diệu xác định chỉ nhìn thấy ông T và bị cáo giao nhận số tiền 150 triệu đồng và viết giấy tờ thế chấp xe, ngoài ra không biết gì thêm, hơn nữa bị cáo cũng không thừa nhận vay số tiền này, như vậy lời khai của bị hại là không có căn cứ.

Như vậy, bị cáo Võ Văn Đ đã có hành vi lợi dụng vào sự tin tưởng của ông Đỗ Thanh T, bà Nguyễn Ngọc T để vay số tiền 200 triệu đồng bằng hình thức thế chấp xe ô tô biển số 65A-056.68 thuê của ông Nhật để tiêu xài cá nhân, đánh bài, sau đó bằng thủ đoạn gian dối mượn lại xe ô tô đem về trả cho ông Nhật rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 200 triệu đã vay. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời phù hợp với vật chứng của vụ án, những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ngoài ra còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới là có cha ruột là ông Võ Ngọc B và mẹ ruột là bà Hồ Thị L là những người được nhà nước tặng các huân chương kháng chiến hạng nhì và hạng ba để xin giảm nhẹ một phần hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là trong khung hình phạt, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị hại ông Đỗ Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa ông T đưa ra các lý do:

- Đối với lý do cho rằng bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú; bởi vì bị cáo không tự ra đầu thú mà do bị hại tự thuê người theo dõi và trình báo với cơ quan điều tra và việc Điều tra viên lập biên bản về việc bị cáo ra đầu thú tại Công an xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang là không đúng sự thật; tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cung cấp thêm biên bản xác nhận của Trưởng Công an xã Đông Phước ngày 20/7/2018 về việc bị cáo không đầu thú và ông Tô Minh Quảng cũng xác nhận là người trực tiếp đi tìm và theo dõi bị cáo Đ; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo này là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Đối với lý do bị cáo đã chưa thành khẩn khai báo, bởi vì tại biên bản đầu thú bị cáo đã bịa đặt để vu oan cho bị hại và chỉ khai nhận chiếm đoạt của bị hại số tiền 50 triệu đồng; và trong sổ tay của bà Nguyễn Ngọc T bị cáo đã ký vay có những số liệu mà bị cáo không hề khai báo vay của bà Thà 10 triệu đồng ngày 18/3/2017, cũng như bị cáo đã lợi dụng số tiền có giá trị giống nhau trong sổ tay của bà T, giấy cầm đồ và phiếu chi tiền của Công ty Hoàng Khoa GĐ để lý luận bác bỏ nhằm giảm số tiền đã chiếm đoạt. Xét việc lúc đầu bị cáo đưa ra các lý do không đúng sự thật và chỉ thừa nhận chiếm đoạt của bị hại số tiền 50 triệu đồng, nhưng sau đó bị cáo đã thừa nhận chiếm đoạt của bị hại số tiền 200 triệu đồng; việc bị cáo không khai ngày 18/3/2017 bị cáo vay của bà Thà 10 triệu đồng. Xét đây là giao dịch dân sự vay mượn không liên quan đến vụ án; ngoài ra bị cáo xác định số tiền trên giấy cầm đồ và số tiền trên phiếu chi tiền của Công ty Hoàng Khoa GĐ mà bị cáo vay của bị hại là một là có cơ sở vì bị cáo chỉ khai đúng sự thật khách quan của vụ án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã thành khẩn khai báo là có căn cứ. Do đó, yêu cầu này của bị hại không được chấp nhận.

- Đối với lý do bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã tác động gia đình trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 200 triệu đồng, sau khi phạm tội thì được anh Võ Văn Minh là anh ruột của bị cáo khắc phục trả lại số tiền cho ông T và ông T đã đồng ý nhận số tiền này. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm nhận định là đúng pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo này của bị hại cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại là không áp dụng tình tiết đầu thú cho bị cáo; Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo với mức án 05 (năm) năm tù là phù hợp, không nhẹ với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, nên kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Đối với kháng cáo buộc bị cáo phải trả thêm cho bị hại số tiền 150 triệu đồng. Ông T cho rằng bị cáo đã biết trong xe bị hại có số tiền 300 triệu đồng và nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mượn xe đi và lấy số tiền này. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận là đã chiếm đoạt số tiền này, ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật; hơn nữa ông T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên và yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường thêm số tiền 150 triệu, tuy nhiên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông T, bởi lẽ như đã phân tích trên thì trong vụ án này cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật khách quan của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ căn cứ trên lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng và toàn bộ các tài liệu chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án để xác định bị cáo Võ Văn Đ chiếm đoạt của bị hại số tiền 200 triệu đồng là có căn cứ và đúng pháp luật, việc ông T chỉ đưa ra các chứng cứ này để xác định bị cáo chiếm đoạt của ông T số tiền 350 triệu là không có cơ sở nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn Đ;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đỗ Thanh T về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn Đ** phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản",

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2017.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 27 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND thị xã Đồng Xoài; (2)
- Chi cục THADS thị xã Đồng Xoài; (1)
- Công an thị xã Đồng Xoài; (1)
- Bị cáo; (1)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ nghiệp vụ; Lưu. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga (đã ký)